

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty CP 28 Đà Nẵng
Năm báo cáo: năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 28 ĐÀ NẴNG
- Tên giao dịch tiếng Anh: 28 DANANG JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400709400 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/01/2009 và thay đổi lần thứ 6 ngày 09/01/2020.
- Vốn điều lệ: 15.443.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.443.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0236 3618383
- Số fax: 0236 3615036
- Website: www.agtexdanang.com.vn.

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng là cơ sở 2 của Xí nghiệp 27/7, được thành lập ngày 5/3/1996, đóng tại 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Ngày 01/01/2009 Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng theo quyết định số 819/QĐ-BQP ngày 8/4/2008 và quyết định số 1653/QĐ-BQP ngày 12/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc

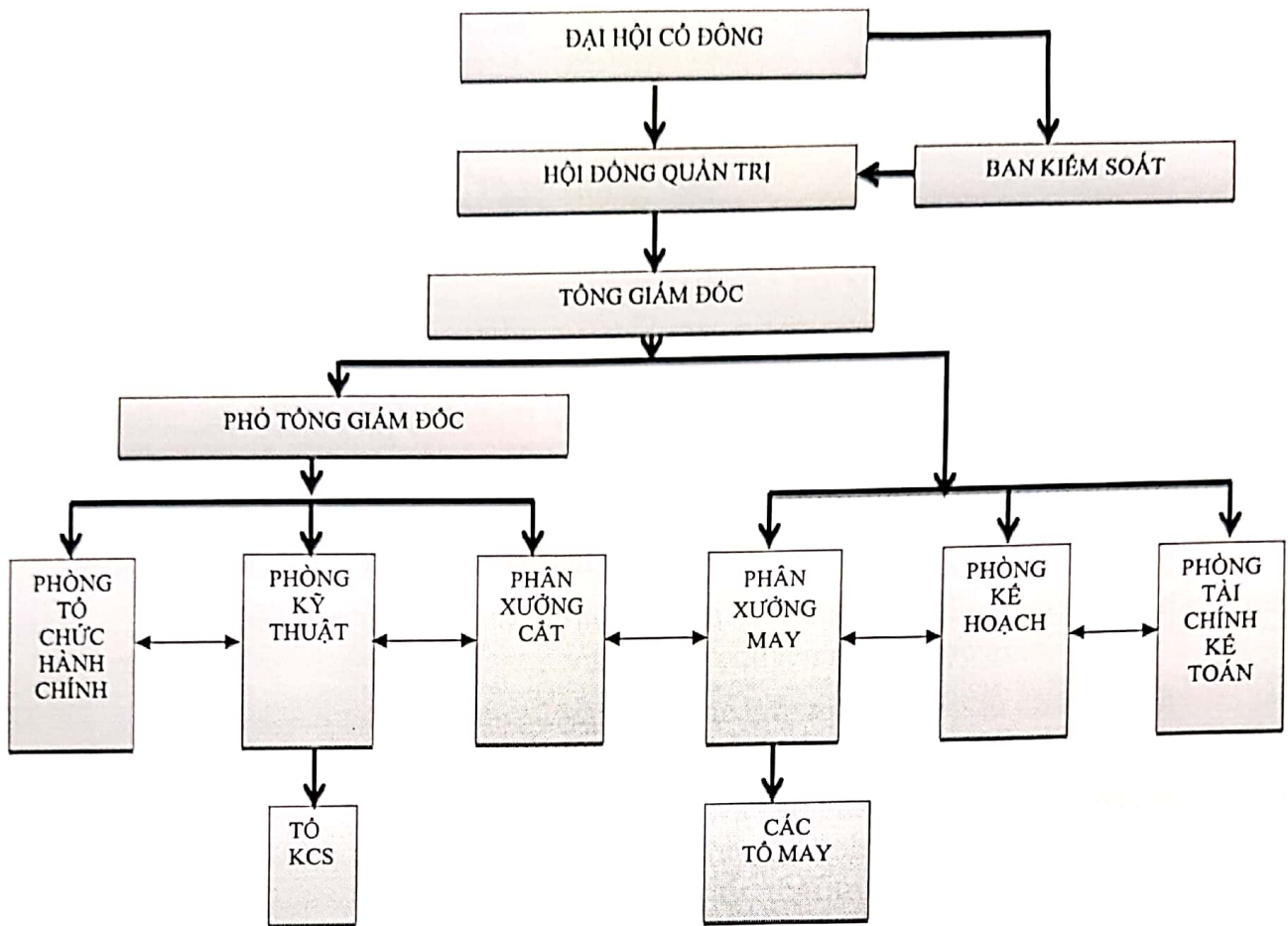
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may, kinh doanh bao bì và nguyên phụ liệu ngành may. Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, xưởng, bãi đậu xe.

- Địa bàn kinh doanh: thị trường chính là EU và Mỹ, trong đó EU chiếm 70%, nội địa và các thị trường khác chiếm 30%.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Sơ đồ tổ chức:



3.2 Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban, cơ quan công ty

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty được Luật pháp quy định và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có nhiệm vụ nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Ban Kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ, kiểm tra giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty, việc chấp hành Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Luật doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, phù hợp với Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

- Phó Tổng Giám đốc: Giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Các Phòng (ban) chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội

đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Phòng Tài chính – Kế toán, Phân xưởng cắt, Phân xưởng may.

3.3 Nguyên tắc hoạt động

- Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng làm việc theo chế độ một người chỉ huy, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của Quân đội, điều lệ Công ty, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, SAS000:2014, WRAP, CTPACT và quy chế quản lý của Công ty.

- Thực hiện việc phân công và uỷ quyền rõ ràng giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo nguyên tắc một người có thể làm nhiều việc nhưng mỗi việc chỉ có 1 người phụ trách và chịu trách nhiệm chính.

- Các Phòng trong Công ty là các đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành Công ty theo các chuyên môn được giao.

- Các Phân xưởng trong Công ty là các đơn vị trực tiếp tổ chức cho người lao động sản xuất theo các kế hoạch đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

- Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban và các Phân xưởng giải quyết công việc phải đảm bảo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả và đảm bảo sự phối hợp, trao đổi thông tin kịp thời trong quá trình giải quyết công việc.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty CP 28 Đà Nẵng luôn theo đuổi mục tiêu chuyên môn hóa sản xuất, tìm kiếm nguồn hàng, khách hàng ưu tiên hàng BHLĐ, đồng phục theo định hướng và chiến lược của công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: phấn đấu đạt vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác.

- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Chất lượng sản phẩm và dịch vụ quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp; Gia tăng giá trị cho xã hội, khách hàng, người lao động và cổ đông là mục tiêu và động lực của sự phát triển bền vững; Lao động sáng tạo là nền tảng của sự phát triển; Quan hệ hợp tác, chia sẻ, cam kết và thực hiện cam kết là nền tảng văn hóa doanh nghiệp.

5. Các rủi ro:

- Ngành dệt may chuyển biến theo chiều hướng khó khăn do khách hàng chuyển dịch nguồn hàng sang một số nước có ưu thế hơn về thuế quan. Điều này đã tác động đến nguồn hàng, giá cả và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, nhất là khu vực Miền Trung.

- Nguồn lao động biến động giảm, lao động cũ có tay nghề nghỉ việc nhiều, lao động mới tuyển dụng tay nghề chưa đáp ứng so với yêu cầu sản phẩm chất lượng cao đã ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm và chi phí (bù lương hàng tháng, hỗ trợ lương ban đầu và bù lương tối thiểu vùng).

- Xu thế hàng thời trang, số lượng nhỏ lẻ, chất liệu khó may, thêu, in, wash nhiều đã tác động đến công tác tổ chức sản xuất và năng suất lao động.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình tài chính

(DVT: Triệu đồng)

| Nội dung | Cùng kỳ năm 2018 | Cùng kỳ năm 2019 | Thực hiện năm 2020 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | | |
|---|------------------|------------------|--------------------|---------------|----------------------------|------------------|--------------|
| | | | Kế hoạch năm | Thực hiện năm | Cùng kỳ năm 2018 | Cùng kỳ năm 2019 | Kế hoạch năm |
| | | | [3] | [4] | [5]=[4]/[1] | [6]=[4]/[2] | [7]=[4]/[3] |
| A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh | | | | | | | |
| 1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu | 2.099.244 | 1.562.921 | 1.032.048 | 8.519.764 | 405,8 | 545,1 | 825,5 |
| 2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu | 2.068.297 | 1.572.383 | 1.032.048 | 8.441.633 | 408,1 | 536,9 | 818,0 |
| 3. Tồn kho cuối kỳ | 109.998 | 100.536 | 100.652 | 178.667 | 162,4 | 177,7 | 177,5 |
| B. Chỉ tiêu tài chính | | | | | | | |
| 1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 189.613 | 200.709 | 190.215 | 201.901 | 106,5 | 100,6 | 106,1 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 169.819 | 191.472 | 171.476 | 182.719 | 107,6 | 95,4 | 106,6 |
| 3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 19.794 | 9.237 | 18.739 | 19.183 | 96,9 | 207,7 | 102,4 |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 721 | 439 | - | 912 | 126,5 | 207,8 | |
| 5. Chi phí tài chính | 2.312 | 1.977 | 1.600 | 2.220 | 96,0 | 112,3 | 138,8 |
| 6. Chi phí bán hàng | 2.575 | 2.316 | 2.278 | 1.989 | 77,2 | 85,9 | 87,3 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 14.418 | 12.921 | 14.761 | 14.909 | 103,4 | 115,4 | 101,0 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.210 | (7.538) | 100 | 977 | 80,7 | (13,0) | 975,4 |
| 9. Thu nhập khác | 1.573 | 1.693 | | 238 | 15,1 | 14,1 | |
| 10. Chi phí khác | 772 | 845 | - | 706 | 91,4 | 83,5 | |
| 11. Lợi nhuận khác | 801 | 848 | - | (468) | (58,3) | (55,1) | |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.011 | (6.690) | 100 | 509 | 25,3 | (7,6) | 508,5 |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 546 | | | 125 | 22,9 | | |
| 14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - | - | - | | | |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | 1.466 | (6.690) | 100 | 384 | 26,2 | (5,7) | 383,6 |
| 16. Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/Vốn Chủ sở hữu | 32,20 | (42,40) | 0,65 | 3,29 | 10,2 | (7,7) | 506,5 |
| 17. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu (ROE) | 23,47 | (42,65) | 0,01 | 2,49 | 10,6 | (5,8) | 38.493 |
| 18. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 1,18 | (5,61) | 0,1366 | 0,51 | 43,3 | (9,1) | 373,9 |

+ Doanh thu thuần 201,901 tỷ đồng, đạt 106,1% kế hoạch năm, bằng 100,60% so với cùng kỳ năm trước;

094
 IGT
 PHÍ
 28
 NÀ
 U
 09
 NG
 3P
 Đ/
 CT

+ Giá trị GCCB trong xưởng đạt **81,33** tỷ đồng, đạt 105,6 % kế hoạch năm, bằng 102,3 % so với cùng kỳ năm trước;

+ Lợi nhuận trước thuế **509** triệu đồng, đạt **508,5%** kế hoạch năm, đã cắt được lỗ và có lãi so với cùng kỳ năm trước;

Doanh thu, GTGCCB và lợi nhuận đạt do nguồn hàng ổn định, MMTB được quan tâm đầu tư dẫn đến năng suất lao động tăng 117% so với kế hoạch được giao đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu thu nhập và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (TT 48) là 3,29%, đạt 506,5% so với kế hoạch năm.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (TT 48) 2,49%, so với kế hoạch năm đạt 373,9%.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| TT | Họ và Tên | Năm sinh | Địa chỉ | Chức vụ | Cổ phần sở hữu/đại diện | | | |
|----|--------------------|----------|--|-------------------|-------------------------|----------|---------|----------|
| | | | | | Cá nhân | Đại diện | Cộng | % vốn ĐL |
| 1 | Ông Bùi Văn Hóa | 1976 | Tổ 1, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi | Tổng Giám đốc | | 392.840 | 392.840 | 25,4 |
| 2 | Hồ Thanh Thủy | 1983 | 147 Huỳnh Thúc Kháng – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng | Phó Tổng Giám đốc | 200 | 197.420 | 197.620 | 12,8 |
| 3 | Võ Thị Kiều Phương | 1978 | 04 Hưng Hóa 4 – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng | Kế toán trưởng | | | | |

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 613 người. Năm 2020 nguồn lao động của Công ty bị biến động mạnh trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên, Công ty đã kịp thời tái cơ cấu lại định biên, mô hình tổ chức cho phù hợp với qui mô sản xuất hiện tại của đơn vị, đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Công ty đã tuyển dụng bổ sung, áp dụng nhiều chính sách đối với người lao động như thưởng chuyên cần ABC, áp dụng chính sách hỗ trợ tiền nuôi con nhỏ,... góp phần đảm bảo thu nhập, ổn định đội ngũ lao động trong năm 2020.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

(ĐVT:Đồng)

| STT | TÊN TÀI SẢN | ĐVT | SỐ LƯỢNG | TRỊ GIÁ |
|-----|-------------------------|-----|----------|----------------------|
| A | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH | | | 1.874.040.136 |
| I | NHÀ XƯỞNG | | | 0 |
| II | MÁY MÓC THIẾT BỊ | | | 1.874.040.136 |

| | | | | |
|------------|---|-----|---|----------------------|
| 1 | Máy ép keo khổ 900mm Hashima HP-900 LFS/P-012917V | Cái | 1 | 228.354.000 |
| 2 | Băng trải vải của máy trải vải dng cho máy may CN c m tơ thời gi:12000x2000 | Cái | 1 | 98.490.000 |
| 3 | Băng trải vải của máy trải vải dng cho máy may CN, c m tơ thời gi:4800x2000 | Cái | 2 | 78.792.000 |
| 4 | Máy băng chuyển đầu vào dùng cho máy ép keo | Cái | 2 | 74.000.000 |
| 5 | Máy 1 kim đầu ống điện từ cắt chỉ Bedoly BDL-6590 | Cái | 1 | 34.118.500 |
| 6 | Máy cắt nhãn tự động | Cái | 1 | 35.550.000 |
| 7 | Máy ủi thời ống quần Nisho NH-PFF-3210 | Cái | 2 | 357.888.000 |
| 8 | Hệ thống nén khí King Power KPG (Máy nén, máy sấy) | Cái | 1 | 273.780.000 |
| 9 | Máy trải vải tự động nhãn hiệu BMO model BMO-SEF70 | Cái | 1 | 438.760.000 |
| 10 | Máy hút âm Harison HD-192B | Cái | 1 | 75.363.636 |
| 11 | Máy ủi thời ống quần Nisho NH-PFF-3210 | Cái | 1 | 178.944.000 |
| III | PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI | | | 0 |
| IV | THIẾT BỊ QUẢN LÝ | | | 0 |
| B | BÁT ĐỘNG SẢN | | | 0 |
| | TỔNG CỘNG | | | 1.874.040.136 |

Công ty có đầu tư bổ sung thiết bị chuyên dùng để thay thế một số MMTB chuyên dùng cũ hết khấu hao, hư hỏng không sửa chữa được, với tổng giá trị đầu tư là 1,874 tỷ đồng, bằng nguồn vốn tự có. Việc đầu tư thực hiện đúng phê duyệt của chủ tịch HĐQT và đúng quy định của Tổng Công ty, quy định của Pháp luật. Sau đầu tư MMTB đã được đưa vào vận hành đúng quy trình, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất.

Công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định chấp hành theo quy định về đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, có phê duyệt nhu cầu, chủ trương đầu tư tiến hành thực hiện và nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán theo đúng quy định.

+ Công tác thanh lý tài sản cố định tuân thủ quy định về thanh lý tài sản cố định, kiểm tra nhu cầu, đánh giá tài sản và mời thầu cùng các hồ sơ phê duyệt thanh lý theo đúng quy định.

+ Giá trị tổng tài sản 19.498.143.396 đồng, trong đó giá trị tài sản cố định 13.002.934.581 đồng chiếm 66,69% giá trị tổng tài sản, chi phí xây dựng cơ bản dở dang 4.200.000.000 đồng chiếm 21,54% giá trị tổng tài sản .

Công tác quản lý tài sản cố định: mỗi tài sản cố định đều được phân loại và phản ánh vào sổ theo dõi nguyên giá, hao mòn lũy kế và hao mòn còn lại khi phát sinh việc nhập xuất theo đúng quy định. Đối với các TSCĐ không cần dùng, chờ

thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, đơn vị theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định. Đối với TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn tham gia vào hoạt động SXKD đơn vị vẫn thực hiện theo dõi theo quy định.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | So với cùng kỳ |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 77.435.491.732 | 68.353.216.677 | 88,27% |
| Doanh thu thuần | 200.708.759.135 | 201.901.374.007 | 100,59% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -7.537.536.789 | 976.990.114 | |
| Lợi nhuận khác | 847.756.689 | -467.618.532 | |
| Lợi nhuận trước thuế | -6.689.780.100 | 509.371.582 | |
| Lợi nhuận sau thuế | -6.729.156.700 | 384.284.908 | |

Cơ cấu tài sản: Tổng tài sản bằng 88,27% so với thực hiện cùng kỳ năm 2019, trong đó nợ ngắn hạn là 59.728.093.755 đồng, chiếm 87,38%.

Doanh thu thuần năm 2020 bằng 100,59% so với cùng kỳ. Trong năm 2020, bên cạnh các nguồn hàng sản xuất xuất khẩu truyền thống như Hultafors, Imar, Ktex, Galtex, Logo, LMH,.. Công ty thực hiện gia tăng các mặt hàng kinh tế nội địa như sản xuất khẩu trang cho Tổng Công ty 28 vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị vừa bổ sung nguồn hàng thiếu cho các chuyên sản xuất trong các thời điểm thiếu hàng.

Bên cạnh đó, trong kỳ phát sinh khoản thu nhập khác bao gồm : khách hàng Imar hỗ trợ chi phí in nhãn, thùng, chi phí hàng mẫu, chi phí XNK,... với số tiền là 176 triệu đồng.

Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn của Công ty bao gồm nợ phải trả là 59,728 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu là 8,625 tỷ đồng. Nợ phải trả chủ yếu là nợ vay Ngân hàng TMCP Quân đội và chiếm dụng của khách hàng.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 0,8 | 0,83 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 0,37 | 0,44 | |

| | | |
|--|--------|--------|
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,89 | 0,89 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 4,37 | 4,33 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 5,27 | 6,31 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 2,35 | 2,62 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | -3,32 | 0,1948 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | -42,65 | 2,49 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | -7,78 | 0,51 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 1.544.300 cổ phần phổ thông, trong đó số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là: 1.600 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị tính giá trị: 1000 VNĐ



| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Cổ đông nước ngoài | | | Tổng | | |
|---|--------------------|------------|-----------|--------------------|---------|-----------|-------------------|------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| 1. Cổ đông Nhà nước: | 1.308.800 | 13.088.000 | 84,75 | | | | 1.308.800 | 13.088.000 | 84,75 |
| 2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) | 3.500 | 35.000 | 0,23 | | | | 1.600 | 16.000 | 0,084 |
| 3. Cổ đông trong công ty: Cổ phiếu quỹ | 65.645 | 656.450 | 4,25 | | | | 66.745 | 667.450 | 4,34 |
| Cán bộ công nhân viên | 65.645 | 656.450 | 4,25 | | | | 66.745 | 667.450 | 4,34 |
| 4. Cổ đông ngoài công ty: Cá nhân | 166.355 | 1.663.550 | 10,77 | | | | 167.155 | 1.671.550 | 10,83 |
| Tổ chức | 56.155 | 561.550 | 3,63 | | | | 56.955 | 569.550 | 3,69 |
| | 110.200 | 1.102.000 | 7,14 | | | | 110.200 | 1.102.000 | 7,14 |

| Danh mục | Cổ đông trong nước | | | Cổ đông nước ngoài | | | Tổng | | |
|--|--------------------|------------|-----------|--------------------|---------|-----------|-------------------|------------|-----------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Cổ đông sáng lập | | | | | | | | | |
| Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 1.419.000 | 14.190.000 | 91,89 | | | | 1.419.000 | 14.190.000 | 91,87 |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 125.300 | 1.253.000 | 8,11 | | | | 125.300 | 1.253.000 | 8,11 |

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

| Số TT | Nguyên nhiên liệu sử dụng | Đơn vị tính | Số lượng |
|-------|------------------------------------|-------------|------------|
| 1 | Vải các loại | ĐVT | 3.934.804 |
| 2 | Phụ liệu may các loại | ĐVT | 32.304.167 |
| 3 | Củi | Khối | 2.552,5000 |
| 4 | Dầu máy | Lít | 209,0000 |
| 5 | Cồn CN | Lít | 819,0000 |
| 6 | Băng keo, bao bì đóng gói các loại | Cái | 7.336.582 |

6.2. *Tiêu thụ nước:* Nguồn nước được mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng. Lượng nước tiêu thụ năm 2020 là 9.875 m³, chủ yếu sử dụng cho mục đích sinh hoạt, lò hơi.

6.3. *Tiêu thụ điện:* Nguồn điện sử dụng là mạng lưới điện Quốc gia do Công ty Điện lực Đà Nẵng cung cấp. Lượng điện tiêu thụ năm 2020 là 590.381 Kwh

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:* Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm và thực hiện tốt từ việc quản lý các nguồn thải trong Công ty đến công tác quản lý chất thải công nghiệp và xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Quân số đến ngày 31/12/2020. Tổng số: 597 công nhân viên. Trong đó:

- Ban Tổng giám đốc : 2 người
- Trưởng phòng : 3 người
- Quản đốc : 2 người
- Phó phòng : 3 người
- Phó Quản đốc : 1 người
- Trợ lý : 1 người

- Tổ trưởng : 14 người
- KCS : 28 người
- Nhân viên VP : 41 người
- Giám tiếp SX (TK+ Lean) : 12 người
- Công nhân : 490 người

Hội đồng quản trị: 3 người

Ban kiểm soát: 3 người

- Tiền lương:

- + Tổng Thu nhập : 59.089.579.909 đ
- Trong đó từ quỹ tiền lương : 54.738.991.394 đ
- + Thu nhập bình quân : 8.032.841 đ/người/tháng
- Từ quỹ lương : 7.436.963 đ/người/tháng
- Từ thu nhập khác : 425.064 đ/người/tháng
- Từ lương T13 và thưởng Tết : 170.814 đ/người/tháng

Do sản xuất kinh doanh các năm trước bị lỗ, sang năm 2020 đơn vị thực hiện các biện pháp tái cơ cấu lao động, giảm định biên khối gián tiếp, giảm các khoản trích tiền lương, ...nên đơn vị đã khắc phục được lỗ và sản xuất kinh doanh dần có lãi. Để thực hiện các biện pháp giữ chân người lao động và thực hiện đúng Quy chế lương năm 2020 và Hợp đồng lao động đã ký, Công ty đã thực hiện các chính sách bù lương do thay đổi nguồn hàng, bù lương tối thiểu vùng, ... để nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động theo quy định và yên tâm công tác, việc bù lương giữ chân lao động dẫn đến không gắn năng suất và tốc độ tăng trưởng GTGCCB của đơn vị.

Căn cứ Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 18/06/2012 và Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 Công ty đã ban hành quy chế lương năm 2020. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty bằng văn bản, người đại diện vốn đã triển khai thực hiện trả lương đúng quy định; việc trích lập quỹ lương, chi trả tiền lương cho người quản lý và người lao động phù hợp với Quy chế, Điều lệ doanh nghiệp và ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty; trong năm 2020 không nợ lương người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2020 đạt 8.032.841 đ/người/tháng đạt 107,1% so với kế hoạch, đạt 106,85% so với cùng kỳ năm 2019. Thực hiện đúng quy định về công tác đảm bảo an toàn lao động, cấp phát đầy đủ, kịp thời trang thiết bị bảo hộ lao động cho từng người lao động. Trong năm, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động và tranh chấp về lao động. Chính sách tiền lương cho người quản lý điều hành Công ty được thực hiện theo phương án lương chung toàn Công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn quan tâm đến chính sách cho người lao động, tạo mọi điều kiện để

người lao động được nâng lương, nâng bậc đúng niên hạn, các chính sách khen thưởng, phúc lợi được kịp thời, chính sách thăm hỏi gia đình hậu phương CBCNV được kịp thời trong những dịp Tết, ma chay, cưới hỏi,... 100% người lao động được trả tiền lương, tiền công phù hợp với công việc và các chế độ khác theo quy định. Cụ thể:

- Công ty thực hiện chính sách tiền lương theo thang bảng lương do Nhà nước quy định.

- Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng hằng năm của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc.

- Công ty chấp hành nghiêm các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đúng theo Luật lao động và Luật BHXH. Đảm bảo 100% lao động ký hợp đồng lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đầy đủ.

- Căn cứ các quy định về pháp luật lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và tình hình thực tế của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thích hợp để khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng thu nhập, đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động tập thể và các chính sách của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

| TT | ĐỐI TƯỢNG | Số người | Số giờ đào tạo | |
|----|--|--------------|----------------|--------------|
| | | | Giờ/người | Tổng giờ |
| 1 | Huấn luyện Sơ cấp cứu + ATVSLĐ cho ATVSV | 50 | 8 | 400 |
| 2 | Huấn luyện kiến thức ATVSLĐ cho người lao động | 600 | 2 | 1.200 |
| 3 | Diễn tập phương án chữa cháy cứu hộ với LL chữa cháy chuyên nghiệp | 600 | 0,5 | 300 |
| 4 | Đào tạo tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng | 50 | 48 | 2.400 |
| | Cộng | 1.300 | 58,5 | 4.300 |

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

| Số TT | Chỉ tiêu | Năm trước | Năm nay | | TH/K H 2020 (%) |
|-------|--|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | |
| 1 | Vốn điều lệ | 15.443.000.000 | 15.443.000.000 | 15.443.000.000 | 100,00 |
| 2 | Tổng doanh thu | 202.841.236.005 | 190.215.000.000 | 203.051.739.506 | 106,7 |
| 3 | Tổng chi phí | 209.531.016.105 | 190.115.000.000 | 202.542.367.924 | 106,5 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 6.689.780.995 | 100.000.000 | 509.371.582 | 509,4 |
| 5 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu | -3,3% | 0,05% | 0,257% | 514 |

| | | | | | |
|---|---|--------|-------|--------|-------|
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu | -42,4% | 0,65% | 3,298% | 507,4 |
| 7 | Cổ tức | - | - | - | |

Nhìn chung trong năm 2020, các chỉ tiêu kinh tế của Công ty đều đạt và vượt so với kế hoạch, đặc biệt là doanh thu có sự tăng trưởng so với kế hoạch là 106,7%.

Việc xây dựng lại phương án lương năm 2020 tiên tiến, đảm bảo hợp lý, công bằng, khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng thu nhập; đã áp dụng và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho người lao động nhằm đảm bảo ổn định và thu hút lao động, áp dụng thưởng chuyên cần, chăm sóc con nhỏ hàng tháng cho người lao động. Sổ sách quản lý ngày giờ công, tiền lương. Kết quả là thu nhập của người lao động trong năm cũng được đảm bảo với mức bình quân là 8.032.841 đồng/người, đạt 107,1% so với kế hoạch và đạt 106,85% so với cùng kỳ.

Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2020 tăng so với cùng kỳ, do trong năm Công ty đã cắt được lỗ và sản xuất kinh doanh có lãi.

Tình hình chấp hành chính sách pháp luật và nghĩa vụ ngân sách của Công ty trong năm qua như sau:

+ Đã thực hiện tính toán, kê khai, thu nộp với ngân sách, số phải nộp trong năm 12.194.429.943 đồng đạt 102,7% kế hoạch năm, số đã nộp 11.975.249.074 đồng, số còn phải nộp NS -2.962.166.619 đồng. Trong đó nộp cơ quan thuế - 2.962.166.619 đồng, nộp hệ thống tài chính quân đội 100.897.293 đồng, nộp Tổng công ty 0 đồng, nộp bảo hiểm địa phương 0 đồng.

+ Đã thực hiện kiểm tra hoàn thuế VAT đến tháng 02/2020.

+ Đã được Tổng công ty và cơ quan bảo hiểm tại địa phương thông báo kết quả đóng bảo hiểm hàng tháng. Đến 31/12/2020, đơn vị không nợ tiền bảo hiểm với cơ quan bảo hiểm địa phương và Tổng công ty.

+ Đã được cơ quan Hải quan thanh quyết toán tờ khai Hải quan, kiểm tra sau thông quan đến thời điểm tháng 12 năm 2017.

+ Công tác quản lý, sử dụng đất được giao, thu nộp tiền sử dụng đất : đơn vị thực hiện đúng quy định về việc quản lý, sử dụng và nộp tiền sử dụng đất quốc phòng.

+ Đơn vị còn tồn đọng thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại Cục thuế TP Đà Nẵng với số tiền là 3.072.038.674.

+ Số tiền thuế TNCN còn phải nộp cuối kỳ là: 8.974.762 đồng.

+ Công tác xuất nhập khẩu đã được hải quan kiểm tra sau thông quan đến 31 tháng 12 năm 2017. Hiện tại việc khai báo xuất nhập hàng hóa đảm bảo đúng theo quy định, thể hiện đúng số liệu, đúng thực tế kịp thời đáp ứng cho sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Trong kỳ kê toán phát sinh chi phí phạt hành chính : 1.908.398 đồng về việc khai không chính xác các nội dung trong hồ sơ khai thuế GTGT thời kỳ hoàn thuế.

+ Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan nhà nước (thuế, hải quan, bảo hiểm, môi trường...) và kiến nghị của kiểm tra nghiệp vụ, giám sát tài chính của Tổng công ty : đơn vị về cơ bản thực hiện đủ các kiến nghị của cơ quan nhà nước,

của kiểm tra nghiệp vụ và giám sát tài chính.

Công ty đã chấp hành nghiêm Điều lệ, quy chế đã ban hành, các chính sách về quản lý tài chính, chế độ kế toán thống kê theo quy định. Công tác quản lý vốn và tài sản dân đi vào nề nếp được thực hiện xuyên suốt, ...; thực hiện nghiêm túc công tác chấp hành chính sách pháp luật và nghĩa vụ ngân sách.

Năm 2020 nguồn hàng BHLĐ và hàng đồng phục y tế giảm và chuyển đổi từ hình thức sản xuất xuất khẩu sang hình thức gia công, công ty đã tìm kiếm thêm nguồn hàng xuất khẩu như Ktex, Galtex, Lever Style ... để bù đắp nguồn hàng sản xuất và đảm bảo việc làm cho người lao động; bố trí lại sản xuất phù hợp với năng lực hiện có và cả khi có sự thay đổi mặt hàng, nguồn hàng chuyển từ FOB sang CM.

- Tích cực triển khai sản xuất tinh gọn ở tất cả các bộ phận, các công đoạn trong quá trình sản xuất, điều hành sản xuất.

- Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt đầu năm.

- Tích cực triển khai kế hoạch tuyển dụng công nhân mới, tuyển dụng thường xuyên để bổ sung nguồn lao động cho các chuyên sản xuất.

- Xây dựng phương án lương, thưởng năm 2020 đảm bảo khuyến khích người lao động. Thực hiện công tác quản lý nhân sự ngày giờ công, tiền lương, sản phẩm có sự giám sát của đại diện người lao động.

- Triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất ở các đơn vị, bộ phận.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

ĐVT: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | | % tăng giảm |
|---------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 2 | 3 | | 4 | 5 | |
| Tài sản ngắn hạn | 56.182.439.892 | 72,55 | 48.855.073.281 | 71,47 | 86,96 |
| Tài sản dài hạn | 21.253.051.840 | 27,45 | 19.498.143.396 | 28,53 | 91,74 |
| Tổng tài sản | 77.435.491.732 | | 68.353.216.677 | | 88,27 |

Trong cơ cấu tài sản năm 2020, tài sản ngắn hạn chiếm ưu thế với tỷ trọng 71,47%, bằng 86,96% so với cùng kỳ năm 2019, kéo theo đó là tổng tài sản giảm bằng 88,27% so với cùng kỳ. Điều này có thể lý giải do các hàng tồn kho được giải phóng và các khoản tiền phải thu khách hàng được thu hồi về cuối năm để trả nợ vay ngân hàng.

b) Tình hình tồn kho các loại:

DVT: đồng

| Tồn kho | Năm 2019 | Năm 2020 | % 2020/ 2019 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| | 2 | 3 | 4=3/2 |
| - Hàng mua đang đi đường | | | |
| - Nguyên liệu chính | 8.626.611.261 | 4.070.535.414 | 69,54 |
| - Vật liệu phụ | 5.138.899.528 | 2.718.131.476 | 47,19 |
| - Nhiên liệu | | 654.540 | |
| - Phụ tùng thay thế | 58.080.910 | 18.569.820 | 31,97 |
| - Bao bì | 201.856.708 | 238.183.102 | 118 |
| - CCDC | 7.651.747 | 2.002.043 | 26,16 |
| - Chi phí sản phẩm dở dang | 3.660.353.985 | 6.364.438.840 | 173,87 |
| - Thành phẩm | 12.090.179.979 | 9.704.472.394 | 80,27 |
| - Hàng hóa | 74.391.525 | 30.187.817 | 40,58 |
| - Hàng gửi bán | 3.426.855.870 | 0 | |
| Tổng cộng | 33.284.881.513 | 22.331.457.201 | 72,47 |

Tồn kho thực hiện năm 2020 là 22.331.457.201 đồng, bằng 72,47% so với thực hiện năm 2019. Lượng hàng tồn kho cuối năm giảm do đơn hàng Kowil tồn kho được xuất bán thanh lý trong quý 4 năm 2020.

c) Tài sản dở dang dài hạn:

Tại thời điểm 31/12/2020, Dự án Xưởng may Quảng Trị tại Cụm Công nghiệp Diên Sanh – Hải Lăng – Quảng Trị với giá trị đầu tư dở dang là 4.729.015.647 đồng, tài sản trên đất đã được bán cho Công ty TNHH MTV Con đường Xanh Quảng Nam với giá là 4,2 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT) . Đến thời điểm này, công ty đã bàn giao lại dự án cho Tỉnh Quảng Trị, tỉnh đã cấp chủ trương cho Công ty TNHH MTV Con đường Xanh Quảng Nam; Công ty đang phối hợp với các bên để hoàn thiện việc thực hiện hợp đồng bán tài sản trên đất với Công ty TNHH MTV Con đường Xanh Quảng Nam . Dự kiến một khoản lỗ sau khi thu hồi vốn là 1,013 tỷ đồng và Công ty đã trích lập dự phòng trong năm 2019.

d) Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: đồng

| Chi tiêu | Năm 2019 | | Năm 2020 | | % tăng giảm |
|------------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| 2 | 3 | | 4 | 5 | |
| Nợ ngắn hạn | 69.194.653.718 | 100,00 | 59.728.093.755 | 100,00 | 86,32 |
| Nợ dài hạn | - | - | - | - | - |
| Tổng nợ phải trả | 69.194.653.718 | | 59.728.093.755 | | 86,32 |
| Vốn chủ sở hữu | 8.240.838.014 | | 8.625.122.922 | | 104,66 |

Nhìn chung, cơ cấu sử dụng nợ của Công ty qua các năm chủ yếu là nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn và có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2019 là 14,68%. Nợ ngắn hạn chủ yếu của Công ty là các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị đến 31/12/2020 là 40,57 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất; các khoản chiếm dụng vốn của nhà cung cấp, phần khác là các khoản phải trả cho người lao động và dự kiến trả trong Q1/2021. Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty không phát sinh nợ quá hạn đến hạn trả.

So với cùng kỳ năm 2019, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng do sản xuất kinh doanh năm 2020 đã cắt được lỗ lũy kế và có lãi.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại. Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

- Đào tạo và đào tạo lại để phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Định hướng:

- Chiến lược phát triển phải được xác định trên cơ sở phát huy lợi thế nội tại, hạn chế thách thức để tận dụng cơ hội, tránh né thách thức từ môi trường bên ngoài nhằm tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Chiến lược phải bảo đảm đạt tới hiệu quả cao, bền vững, đồng thời quan tâm thích đáng đến các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, và quản lý rủi ro trong điều kiện một thế giới đầy biến động.

- Chiến lược phát triển phải chú trọng vào việc xây dựng, củng cố, phát triển, và khai thác có hiệu quả các năng lực cốt lõi để tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững.

- Tận dụng các thế mạnh về mặt bằng, nhà xưởng, kinh nghiệm tổ chức sản xuất từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng tăng giá trị gia tăng, giảm thiểu chi phí, phù hợp với xu hướng hội nhập, chính sách ưu đãi của

chính phủ.

- Kiên quyết loại bỏ những mặt hàng có giá trị gia tăng thấp, hiệu quả kinh tế không cao. Chuyển dần các mặt hàng có giá trị thấp như hàng đồng phục về những vùng có chi phí thấp để giảm chi phí tăng hiệu quả .

+ Đầu tư vào Nghiên cứu và Phát triển và nâng cao năng lực sáng tạo của toàn thể đội ngũ để có những công nghệ mới, sản phẩm mới với chất lượng cao, giá trị gia tăng cao đáp ứng tốt các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

+ Tập trung sản xuất các sản phẩm truyền thống theo quy hoạch cho từng chuyên ngành qua biện pháp tăng năng lực sản xuất trên mặt bằng hiện hữu .

+ Chiến lược cơ cấu lại loại hình sản xuất: Chuyển cơ cấu sản xuất và xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng FOB.

+ Phát triển hàng đồng phục nội địa, đưa hàng đi gia công ngoài; cho thuê mặt bằng và kinh doanh dịch vụ. Định hướng khai thác mặt bằng khi có thay đổi về cơ chế quản lý đất quốc phòng.

4.2.1 Chiến lược về thị trường.

- Công ty vẫn xác định kinh doanh ngành may là chính, từ năm 2020-2025 tập trung nguồn lực để đầu tư, củng cố, ổn định sản xuất trong xưởng và tìm nguồn hàng để đưa gia công tăng doanh thu. Trước mắt vẫn duy trì các khách hàng , mặt hàng hiện nay, tìm giải pháp để tăng năng suất. Đồng thời đánh giá hiệu quả sản phẩm tìm thêm khách hàng và sản xuất mặt hàng có khả năng ứng dụng thiết bị điện tử để thay thế lao động nhằm tăng hiệu quả sản xuất, tăng tính cạnh tranh.

- Tìm hiểu kinh doanh thương mại, dịch vụ, phát huy tối đa lợi thế trung tâm thành phố để tăng thêm ngành nghề phụ.

- Về lâu dài khi lao động giảm nhiều sẽ khai thác quỹ đất để xây dựng cho thuê.

4.2.2 Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp:

- Rà soát và thiết lập lại qui chế, quy trình quản lý phù hợp với điều kiện của công ty.

- Chấn chỉnh lại công tác quản lý từ NPL, CCDC, vật tư, thành phẩm, cập nhật đầy đủ chính xác hồ sơ sổ sách phục vụ công tác quản lý tại đơn vị cũng như các đơn vị kiểm tra thứ 3 đảm bảo đúng quy định của công ty, quân đội và pháp luật.

- Đầu tư phần mềm để quản lý vật tư, sản xuất, để giảm lao động và tăng hiệu quả quản lý .

- Phân tích dữ liệu , số liệu để xác định chiến lược quản trị công ty hiệu quả lâu dài.

- Đảm bảo an ninh, an toàn đơn vị. Thực hiện tốt công tác hành chính hậu cần, duy trì thường xuyên công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

4.2.3 Chiến lược về đầu tư

- Nghiên cứu đầu tư mở rộng sản xuất may về khu vực tỉnh, huyện.
- Dự kiến qui mô sản xuất sẽ thu nhỏ sau năm 2025 do thiếu hụt nguồn lao động và khả năng cạnh tranh, sản xuất ngành may tại khu vực trung tâm thành phố không hiệu quả. Công ty hướng đến kinh doanh thương mại, dịch vụ, khai thác mặt bằng, khai thác quỹ đất.

4.2.4 Chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực.

- Rà soát đánh giá lại nguồn nhân lực, xây dựng mô hình tổ chức và định biên phù hợp với điều kiện thực tế, cân đối giữa lao động gián tiếp và lao động trực tiếp, giảm cân bộ quản lý.
- Qui hoạch, đào tạo, tuyển dụng bổ sung những vị trí cần thiết cho phát triển lâu dài. Hướng đến sử dụng cán bộ có năng lực thực sự, có đạo đức và trách nhiệm để điều hành và quản lý công ty.
- Luân chuyển thay đổi để tạo môi trường va chạm thực tế, phát huy khả năng, thể mạnh của mỗi người.
- Lấy con người làm nền tảng để xây dựng và phát triển công ty.

4.2.5 Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính.

- Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính lành mạnh, đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD.

4.2.6 Chiến lược ứng dụng tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất: Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng thông qua các chương trình cụ thể:

- Thường xuyên thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị.
- Tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ kỹ thuật phụ trách môi trường sống nói chung và công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nói riêng.
- Ứng dụng các sáng kiến, cải tiến công nghệ sản xuất và tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động. Luôn đảm bảo hạng mục xử lý chất thải đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo quy chuẩn xả thải và giám sát việc xử lý nước thải và các chất thải trong quá trình sản xuất.
- Đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát, sạch sẽ.
- Về chỉ số vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng, chỉ số bụi tổng, bụi hô hấp tại các vị trí làm việc và môi trường xung quanh đều đạt trong giới hạn cho phép theo quyết định số 3733-2002/QĐ – BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y Tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

- Đối với khí thải phát sinh từ lò hơi, kết quả đo cho thấy: các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn cho phép, cụ thể:

+ Bụi tổng: Kết quả kiểm tra 31,7mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 5067:1995

+ CO: Kết quả kiểm tra 575mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 7242:2003

+ SO₂: Kết quả kiểm tra 42,4mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 6750:2000

+ NO₂: Kết quả kiểm tra 36,3mg/Nm³ theo tiêu chuẩn TCVN 7172:2002

- Đối với nước thải, các chỉ tiêu đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Đối với chất thải nguy hại Công ty đã bố trí khu vực riêng để lưu chứa, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh xử lý theo quy định. Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất nguy hại số 48.0000065.T ngày 25/05/2009.

- Đối với rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp không nguy hại Công ty cũng đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Năm 2020, với tinh thần trách nhiệm cao trước cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng quản trị, giám sát, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đánh giá cao công tác điều hành Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

HĐQT Công ty định hướng nỗ lực để phát triển bền vững trong lĩnh vực may mặc. Công ty luôn cố gắng cao nhất trong việc phát huy nguồn lực nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và có khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực may mặc.

Các thành viên Ban Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ đại học, có đạo đức tốt, gắn bó lâu dài với Công ty qua nhiều năm, trải qua nhiều vị trí quản lý trong Công ty nên đa số có kinh nghiệm về ngành nghề.

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành chung, công tác kế hoạch, tài chính, sản xuất tại xưởng may; Phó Tổng Giám đốc được phân công nhiệm vụ theo dõi, phụ trách hoạt động kỹ thuật công nghệ, hành chính, sản xuất tại xưởng cắt của Công ty.

Năm 2020 tình hình kinh tế trong nước tuy dự báo có nhiều thuận lợi nhưng tiềm ẩn nhiều khó khăn. Tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến bất ổn, dịch bệnh Covid kéo dài, khó lường, nên ảnh hưởng đến kinh tế trong nước và đặc biệt là ngành dệt may xu hướng khó khăn.

Về phía Công ty: Nhận định tình hình thị trường, khách hàng, nguồn hàng và kế hoạch SXKD Công ty cơ bản ổn định.

Lao động sẽ tiếp tục biến động theo chiều hướng giảm do chuyển đổi ngành nghề và chuyển về địa phương, việc tuyển dụng lao động mới khó khăn, áp lực tăng tiền lương và thu nhập để giữ chân người lao động rất lớn trong điều kiện giá cả đầu

11/01/2021
Mr. B. K. K. K.

vào phục vụ sản xuất tăng:

- Lương tối thiểu vùng dự kiến tiếp tục tăng làm tăng chi phí BHXH, chi phí bù lương, áp lực về nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất hàng FOB cao trong khi công ty hoạt động chủ yếu bằng vốn vay.

- Công ty nằm ngay trung tâm thành phố là điều kiện thuận lợi cho vận chuyển giao nhận, xuất nhập khẩu nhưng để duy trì hoạt động ổn định công ty phải trả một mức tiền lương và các chi phí khác cao hơn những doanh nghiệp cùng ngành nằm ở cách xa trung tâm thành phố.

| CHỈ TIÊU | ĐVT | TH 2020 | KẾ HOẠCH NĂM 2021 | % KH 2020/TH 2019 |
|-----------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| B | C | 1 | 2 | 4 |
| Tổng doanh thu | 1000đ | 203.051.739 | 201.200.000 | 99,08 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1000đ | 509.371 | 2.500.000 | 490,8% |
| Lợi nhuận sau thuế | " | 384.284 | 2.500.000 | 650.56% |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu | " | 0,19 | 1,24 | 652.63 |
| Thu nhập bình quân/người/tháng | Đồng | 8.032.841 | 8.300.000 | 103.33 |
| Lao động bình quân | Người | 613 | 600 | 92,31 |

Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

Để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của Công ty, HĐQT đã đưa ra một số ý kiến, giải pháp cụ thể nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Đại hội cổ đông đưa ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông.

- HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp tình hình thực tế đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển Công ty.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2021 có 3 thành viên, gồm :

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ (<i>thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành</i>) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|------------------------|---|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Bùi Văn Bắc | Chủ tịch HĐQT | 14/04/2018 | 02/06/2020 |
| 2 | Ông Nguyễn Quyết Thắng | Thành viên | 14/04/2018 | 02/06/2020 |
| 3 | Ông Nguyễn Quyết Thắng | Chủ tịch HĐQT | 02/06/2020 | |
| 4 | Ông Bùi Văn Hóa | Thành viên | 02/06/2020 | |
| 5 | Bà Hồ Thanh Thủy | Thành viên | 07/09/2011 | |

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Với qui mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng kỳ.

Hội đồng quản trị hoạt động theo nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các phiên họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Quyết Thắng | 5 | 100% | |
| 2 | Ông Bùi Văn Hóa | 4 | 80% | Bỏ nhiệm 02/6/2020 |
| 3 | Bà Hồ Thanh Thủy | 5 | 100% | |
| 4 | Ông Bùi Văn Bắc | 1 | 20% | Miễn nhiệm 02/6/2020 |

- Duy trì các phiên họp định kỳ tối thiểu 1 quý 1 một lần. Tổng giám đốc báo cáo HĐQT tổng quát về thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của công ty; HĐQT thảo luận và quyết định thông qua các vấn đề phát sinh của công ty.

- Tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các nghị quyết, quyết định, trực tiếp tại các phiên họp hoặc bằng hình thức trao đổi ý kiến sau khi đã nghiên cứu kỹ tài liệu, hồ sơ của công ty.

- HĐQT thảo luận và thông qua một số nội dung quan trọng sau:
 - + Định hướng mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp của Tổng giám đốc công ty để thực hiện KHSXKD năm 2020.
 - + Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
 - + Chấm dứt dự án Xưởng may Quảng Trị, làm việc với công ty TNHH MTV Con Đường Xanh thoả thuận; thực hiện hợp đồng mua bán tài sản trên đất. Đồng thời tạo mọi điều kiện để công ty TNHH MTV Con Đường Xanh tiếp tục thực hiện dự án.
 - + Hội đồng quản trị thống nhất phương án tái cơ cấu, sắp xếp lại định biên, mặt bằng và mô hình sản xuất của Công ty.
 - + Chiến lược phát triển công ty cổ phần 28 DN giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030.
 - + Kế hoạch công tác nhân sự và chương trình đại hội Đảng NK 2020-2025
 - + Kế hoạch đầu tư MMTB, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục tại công ty.
 - + Quyết định các dự án và nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2020 và xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021.

4. Ban Kiểm soát:

Các thành viên Ban kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------------------|---------------|--|---------------------|
| 1 | Ông Lữ Công Thịnh | Trưởng ban KS | Ngày bổ nhiệm 14/04/2018 | Cử nhân kinh tế |
| 2 | Bà Phạm Thị Thái Yên | TV BKS | Ngày bổ nhiệm 02/6/2020 | Cử nhân kinh tế |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hằng | TV BKS | Ngày bổ nhiệm 02/6/2020 | Cử nhân kinh tế |
| 4 | Bà Đỗ Thị Thương | TV BKS | Ngày miễn nhiệm 02/6/2020 | Cử nhân kinh tế |
| 5 | Bà Lê Thị Hiền | TV BKS | Ngày miễn nhiệm 02/6/2020 | Cử nhân kinh tế |

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| | | | | | |

| | | | | | |
|---|----------------------|----|------|------|------------------------------|
| 1 | Ông Lữ Công Thịnh | 05 | 100% | 100% | |
| 2 | Bà Phạm Thị Thái Yên | 03 | 60% | 60% | Bổ nhiệm ngày 02/6/2020 |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hằng | 03 | 60% | 60% | Bổ nhiệm ngày 02/6/2020 |
| 4 | Bà Đỗ Thị Thương | 02 | 40% | 40% | Miễn nhiệm ngày 02/6/2020 |
| 5 | Bà Lê Thị Hiền | 02 | 40% | 40% | Miễn nhiệm ngày 02/6/2020 |

Ban kiểm soát có nhiệm vụ lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai, kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị và điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương đúng pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty không có lợi nhuận, cho nên trong năm 2020 Công ty không thực hiện chi trả các khoản thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện trích nộp Quỹ thù lao Ban điều hành Tổng công ty 28 theo TB 412 (11/05/2015) của Tổng công ty 28 (1 quý là: 3.645.000 đồng). Tổng cộng 4 quý là : $3.645.000 \times 4 = 14.580.000$ đồng.

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

- Hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ: Công ty không có giao dịch với cổ



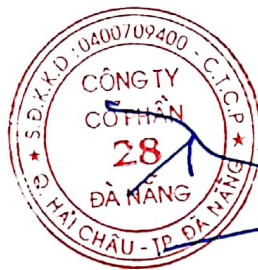
đồng nội bộ.

- Việc thực hiện quy định về quản trị Công ty: Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đính kèm.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *mk*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Hóa

